

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 97/TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 2 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH

CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ SỐ 97/TTG NGÀY 09 THÁNG 02 NĂM 1996 VỀ VIỆC ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÀ MÁY XI MĂNG
TAM ĐIỆP - NINH BÌNH
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 177/CP ngày 20 tháng 10 năm 1994 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (các công văn số 13/VP4 ngày 26 tháng 1 năm 1995; số 79/VP4 ngày 20 tháng 6 năm 1995; số 106/VP4 ngày 21 tháng 8 năm 1995; số 135/VP4 ngày 25 tháng 9 năm 1995; số 157/VP4 ngày 11 tháng 10 năm 1995; số 170/VP4 ngày 25 tháng 10 năm 1995; số 220/VP4 ngày 20 tháng 12 năm 1995; số 10/VP4 ngày 29 tháng 1 năm 1996) và đề nghị của Hội đồng thẩm định cấp Nhà nước (công văn số 1002-UB/VPTĐ ngày 7 tháng 4 năm 1995), của Hội đồng xét thầu quốc gia (công văn số 249- BKH/VP XTQG ngày 18 tháng 11 năm 1995); của Hội đồng thẩm định nhà nước về các dự án đầu tư (công văn số 01/HĐTĐ ngày 30 tháng 12 năm 1995); của Bộ Xây dựng (công văn số 11- BXD/VLXD ngày 31 tháng 1 năm 1996).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Đầu tư Dự án Nhà máy xi măng Tam Điệp - Ninh Bình với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Nhà máy xi măng Tam Điệp - Ninh Bình.

2. Công suất thiết kế và thiết bị công nghệ.

- 4000 tấn Clinker/ngày tương ứng 1,4 triệu tấn xi măng/năm;

- Sản phẩm chính: PC30, PC40, PC50 (TCVN 2682-92).

Xi măng sản xuất bằng lò quay theo phương pháp khô. Công nghệ, thiết bị sản xuất, kiểm tra, đo lường vào loại tiên tiến của thế giới.

Một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

+ Tiêu hao nhiệt năng: 730-750 KCal/tấn Clinker.

+ Tiêu hao điện năng: 96 KWh/tấn xi măng.

+ Nhiên liệu sử dụng: 100% than Antra xit Quảng Ninh.

+ Nồng độ bụi thải ra qua đầu thiết bị lọc bụi, khí thải, chất thải bảo đảm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường.

+ Lao động: 585 người.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Quang Sơn, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

4. Chủ đầu tư: Công ty Xi măng tỉnh Ninh Bình.

5. Nguồn nguyên liệu chính và vận tải.